

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày 27-3-2024

V/v tranh chấp liên quan đến tài
sản bị cưỡng chế để thi hành án
theo quy định của pháp luật về thi
hành án dân sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1967 (có mặt).
2. Ông Lê Văn V (V1), sinh năm 1965 (có mặt).
3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1982 (có mặt).
4. Bà Lê Thị C, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị C: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1971, trú tại ấp Đường Cày, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 11 tháng 3 năm 2024)

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Hoàng B (xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1961 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Thị A, sinh năm 1942 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L cùng trình bày: Ngày 05 tháng 4 năm 2022 Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân ra Thông báo số 67/TB-CCTHADS để thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án theo quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 08/QĐ-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân ngày 23 tháng 12 năm 2019. Sau đó Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân tiến hành kê biên toàn bộ phần đất và nhà trên đất của bà Nguyễn Thị T2, ông Trần Hoàng B ở ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C, khi cưỡng chế Chi cục thi hành án huyện Phú Tân có tiến hành đo đạc kích thước nhà của bà T2 và ông B. Tuy nhiên sau khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân kê biên nhà thì bà Lâm Thị A khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Phú Tân xác định quyền sở hữu với tài sản kê biên, sau đó bà Lâm Thị A rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các nguyên đơn yêu cầu Toà án công nhận căn nhà xây dựng trên phần đất của bà Lâm Thị A thuộc quyền sử hữu của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2 để các nguyên đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản hoà giải ngày 10 tháng 8 năm 2022 và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 trình bày: Căn nhà mà các nguyên đơn yêu cầu xác lập quyền đối với bà và ông Trần Hoàng B là nhà của bà Lâm Thị A; bà và ông B chỉ ở để nuôi dưỡng bà A, không phải nhà của bà và ông B nên bà không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn.

- Tại biên bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2022 bị đơn ông Trần Hoàng B trình bày: Căn nhà xây dựng cơ bản vào tháng 02 năm 2018 là do mẹ ông xuất toàn bộ tiền để đầu tư xây dựng trên diện tích đất 1.300m² đất của mẹ ông. Mẹ ông vẫn đang quản lý sử dụng toàn bộ căn nhà này. Việc ông và bà Nguyễn Thị Kim T2 được ở trong căn nhà này là do mẹ ông hay đau yếu, bệnh tật không tự chăm sóc sức khỏe được, căn nhà này không liên quan đến quyền lợi, tiền bạc, hay tài sản gì của ông và bà T2. Ông xác định toàn bộ căn nhà 178,2m² là quyền sở hữu hợp pháp của bà Lâm Thị A. Do đó, ông yêu cầu Toà án giải quyết bác

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L về việc xác định quyền sở hữu căn nhà diện tích 178,2m² là của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2.

- Tại biên bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị A trình bày: Căn nhà xây dựng cơ bản vào tháng 02 năm 2018 là do bà tự xuất toàn bộ tiền của bà và ông T3 tích góp có được để đầu tư xây dựng trên diện tích đất 1.300m² đất của bà và ông T3. Bà và ông T3 quản lý sử dụng thửa đất này từ năm 1955 đến nay. Căn nhà này hiện trạng thực tại là nằm trong thửa đất 280 chứ không phải nằm trong thửa 279. Bà vẫn đang tự quản lý sử dụng toàn bộ căn nhà này. Việc ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2 được ở trong căn nhà này là do bà yêu cầu đến chăm sóc vì bà hay đau yếu, bệnh tật, không tự chăm sóc sức khỏe được; căn nhà không có liên quan gì đến quyền lợi của ông B và bà T2. Bà xác định toàn bộ căn nhà 178,2m² là quyền sở hữu hợp pháp của bà. Do đó, bà yêu cầu Toà án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L về việc xác định quyền sở hữu căn nhà diện tích 178,2m² là của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu xác lập quyền sở hữu căn nhà là của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án công nhận quyền sở hữu căn nhà xây dựng trên phần đất của bà Lâm Thị A là của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2 để các nguyên đơn yêu cầu thi hành án. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*” nên theo quy định tại khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Hoàng B là bị đơn; bà Lâm Thị A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng B và bà Lâm Thị A.

[3]. Tại phiên tòa các nguyên đơn cho rằng ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2 dùng tiền hui nợ các nguyên đơn để xây dựng căn nhà trên phần đất của Lâm Thị A nên các nguyên đơn yêu cầu Toà án công nhận căn nhà xây dựng trên phần đất của bà A thuộc quyền sở hữu của ông B và bà T2. Ông B, bà T2, bà A cho rằng căn nhà thuộc quyền sở hữu của bà A. Bà T2 cho rằng bà và

ông B ở trong căn nhà là do bà và ông B chăm sóc cho bà A vì bà A lớn tuổi sống một mình, hay đau yếu bệnh tật nên cần người chăm sóc.

Tại phiên toà các nguyên đơn và bà T2 đều thừa nhận căn nhà mà các nguyên đơn yêu cầu công nhận quyền sở hữu cho bà T2 và ông B được xây dựng trên phần đất của bà Lâm Thị A đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 3563/UBND-NC ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, xác định: Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân không có tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép xây dựng nhà ở của bà Lâm Thị A, bà Nguyễn Thị Kim T2 và ông Trần Hoàng B ở ấp Đường Cày, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án xác lập quyền sở hữu căn nhà có diện tích 178,2m² tọa lạc tại ấp Đường Cày, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 08/QĐ-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân ngày 23 tháng 12 năm 2019 là của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Ông B, bà T2, bà A cho rằng căn nhà nêu trên là của bà A. Tại tờ tường thuật ngày 11 tháng 8 năm 2023 của ông Lê Hoàng Nhi là người trực tiếp xây dựng căn nhà (Bút lục 68) xác định: Bà A là người đứng ra hợp đồng xây dựng nhà và bà A là người trả tiền xây dựng nhà.

Từ phân tích trên nên không có cơ sở xác định căn nhà có diện tích 178,2m² tọa lạc tại ấp Đường Cày, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sở hữu của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2. Do đó, các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L yêu cầu công nhận căn nhà thuộc quyền sở hữu của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2 là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Từ phân tích trên nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên các nguyên đơn mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người 300.000 đồng; các nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Toà án công nhận căn nhà xây dựng trên phần đất của bà Lâm Thị A thuộc quyền sở hữu của ông Trần Hoàng B và bà Nguyễn Thị Kim T2.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm các nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Lê Văn V, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị L mỗi người phải nộp 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017926; ông Lê Văn V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017930; bà Trần Thị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017928; ông Trần Văn T1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017929; bà Lê Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017927 cùng ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu án phí; các nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều